

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẬN SƠN TRÀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trần Thị Thu Hiền, Phạm Thị Kim Hằng†
Email: phamkimhangqt@gmail.com*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/09/2023

Ngày phản biện đánh giá: 12/04/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 25/04/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.389

Tóm tắt: Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở các trường tiểu học trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật tuy đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song bên cạnh đó, hoạt động này còn hạn chế ở một số mặt như quản lý nội dung, quản lý chương trình kế hoạch, quản lý việc tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá... Từ thực trạng trên, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở các trường tiểu học trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Từ khóa: Giáo dục hòa nhập, giải pháp quản lý, học sinh khuyết tật, trường tiểu học, Sơn Trà, Đà Nẵng.

I. Đặt vấn đề

Học sinh khuyết tật (HSKT) cần được chăm sóc một cách đặc biệt, được hưởng mọi quyền lợi, được học tập, hoà nhập vui chơi trong cùng môi trường với các học sinh bình thường khác. Giáo dục hòa nhập (GDHN) là một xu thế thời đại và được thực hiện ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. GDHN được tiến hành với các tiền đề mà theo đó nhà trường sẽ tốt hơn đối với mọi người nếu nhà trường thu

nhận mọi trẻ em trong cộng đồng. Giáo viên (GV) sẽ tốt hơn khi họ có trách nhiệm với mọi HS. Đảm đương được trách nhiệm này, GV sẽ trở nên tích cực hơn, sáng tạo hơn và hiểu được nhu cầu của từng HS.

Theo thống kê toàn thành phố Đà Nẵng hiện có hơn 310.000 trẻ em (chiếm tỷ lệ 25,9% dân số); trong đó, có gần 2.900 trẻ em KT (gồm 364 em KT đặc biệt nặng; 1.690 em KT nặng). Hiện toàn thành phố có 282 trẻ KT mầm non học ở các trường Chuyên biệt (CB), 94 trẻ mầm non học

* Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

† Trường Tiểu học Quang Trung, quận Sơn Trà, Đà Nẵng (Tác giả liên hệ).

hòa nhập; 354 HS tiểu học KT học ở các trường CB, 751 HS tiểu học KT học hòa nhập; 278 HSKT học cấp THCS và 47 HS KT học cấp THPT. Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng lồng ghép công tác giáo dục HSKT vào Kế hoạch năm học, triển khai đến tất cả các Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường học trên địa bàn thành phố. HSKT được hỗ trợ tiếp cận giáo dục thông qua 2 hình thức GDHN và giáo dục CB. Hình thức học hòa nhập được áp dụng ở tất cả các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT. Thành phố hiện có 03 cơ sở giáo dục dành cho HSKT học CB: Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, trường CB Tương Lai, trường CB Thanh Tâm (trong đó, Thanh Tâm là trường tư thục, có thu phí). Ngoài ra, tại 07 trường tiểu học của 7 quận, huyện có phòng hỗ trợ giáo dục cho trẻ KT nhằm tăng cường hỗ trợ thêm cho công tác GDHN cho trẻ KT. Bên cạnh đó, Thành phố không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục CB và hòa nhập; Chỉ đạo các trường tổ chức gặp gỡ cha mẹ học sinh KT để tìm hiểu về nhu cầu, đánh giá kỹ năng sống của học sinh để xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho các em. Tổ chức các hình thức GDHN tạo môi trường thuận lợi cho các em HSKT. Thực hiện hồ sơ theo dõi sự tiến bộ, đánh giá của từng HSKT, lưu giữ đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì của các em để các GV tiếp theo có kế hoạch giáo dục phù hợp với từng trẻ.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển giáo dục nói chung, giáo dục HSKT đã đạt được những thành quả quan trọng về nhiều mặt. Bên cạnh đó, thành phố cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác GDHN. Hoạt động GDHN cho HSKT tại các trường học vẫn tồn tại một số hạn chế rất cơ bản như công tác quản lý điều hành còn lúng túng, hiệu quả chưa cao;

chất lượng GDHN còn thấp, thiếu bền vững; một số cán bộ quản lý của các trường còn xem nhẹ việc lập kế hoạch GDHN; tổ chức thực hiện hoạt động GDHN còn sơ sài, hình thức; khâu kiểm tra, đánh giá chưa sát sao. GDHN là một hoạt động giáo dục chuyên biệt, đặc thù bởi trẻ học hòa nhập có nhiều dạng tật khác nhau, đòi hỏi phải có nhiều giáo án giảng dạy khác nhau; trong khi giáo viên phổ thông chưa được trang bị đủ kiến thức cũng như đồ dùng dạy học nên việc quản lý hoạt động GDHN cho đối tượng học sinh này là vô cùng cần thiết, đảm bảo chất lượng cũng như công bằng trong giáo dục, giúp các em có nhiều cơ hội hơn trong việc học tập, vận động và hòa nhập cộng đồng.

II. Một số khái niệm

2.1. Học sinh khuyết tật

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), khái niệm “khuyết tật” gắn với 3 “yếu tố cơ bản sau: 1) Những thiếu hụt về cấu trúc cơ thể và sự suy giảm các chức năng; 2) Những hạn chế trong hoạt động của cá thể; 3) Môi trường sống: những khó khăn, trở ngại do môi trường sống mang lại làm cho họ không thể tham gia đầy đủ và có hiệu quả mọi hoạt động trong cộng đồng.

Trong phạm vi nghiên cứu này, HSKT được hiểu là những HS có khiếm khuyết về cấu trúc hoặc các chức năng cơ thể hoạt động không bình thường dẫn đến gặp khó khăn nhất định trong hoạt động cá nhân, tập thể, xã hội và không thể học tập theo chương trình giáo dục phổ thông nếu không được hỗ trợ đặc biệt về phương pháp giáo dục - dạy học và những trang thiết bị trợ giúp cần thiết.

2.2. Giáo dục hòa nhập

Theo Quy định GDHN cho người KT, tàn tật ban hành theo Quyết định số 23/2006/QĐ-BGD-ĐT ngày 25/05/2006

của Bộ GD-ĐT: “GDHN được quan niệm là hỗ trợ mọi HS, trong đó có trẻ KT, cơ hội bình đẳng tiếp nhận dịch vụ giáo dục với những hỗ trợ cần thiết trong lớp học phù hợp tại trường phổ thông nơi trẻ sinh sống nhằm chuẩn bị trở thành những thành viên đầy đủ của xã hội, trẻ KT được giáo dục trong môi trường giáo dục phổ thông theo chương trình chung được điều chỉnh, bảo đảm điều kiện cần thiết để phát triển đến mức cao nhất khả năng của trẻ”.

Như vậy, GDHN cho HSKT là phương thức giáo dục để HSKT được học chung với HS cùng độ tuổi theo chương trình chung tại trường phổ thông nhằm hỗ trợ để phát triển và đáp ứng những nhu cầu phù hợp với đặc điểm cá nhân giúp HS hòa nhập cộng đồng.

2.3. Quản lý giáo dục hòa nhập

Quản lý hoạt động GDHN cho HSKT là sự tác động có kế hoạch, có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý dựa theo những yêu cầu có tính chất khách quan về lý luận và thực tiễn GDHN tại các trường nhằm đạt được các mục tiêu quản lý đã đề ra. Đó là quá trình chủ thể quản lý xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, vạch ra những phương hướng, tìm biện pháp, huy động các nguồn lực, triển khai thực hiện, đôn đốc, giám sát, điều chỉnh và đưa ra những quyết định sáng suốt, kịp thời nhằm thực hiện được các mục tiêu, hỗ trợ để phát triển và đáp ứng những nhu cầu phù hợp với đặc điểm cá nhân nhằm hòa nhập cộng đồng.

III. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

3.1. Khách thể khảo sát

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của 152 người gồm cán bộ quản

lý, chuyên viên của Sở, phòng giáo dục và giáo viên, nhân viên các trường tiểu học trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động GDHN cho HSKT ở các trường tiểu học trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm đánh giá về các mặt như quản lý sự phối hợp giữa các lực lượng, tổ chức kiểm tra đánh giá hoạt động GDHN cho HSKT ở các trường tiểu học. Bảng hỏi gồm bộ các câu hỏi dành cho CBQL và GV. Số liệu thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học. Trong đó, các phép toán thống kê được sử dụng gồm tỷ lệ phần trăm và điểm trung bình.

+ Công thức tính điểm trung bình như sau:

$$\bar{x} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^m x_i n_i$$

x là điểm trung bình; x_i là điểm ở mức độ i ; n_i là số người lựa chọn mức độ i ; m là số các mức độ; N là số người tham gia đánh giá.

+ Quy ước cách xử lý số liệu: Chúng tôi sử dụng thang đo Likert Scale với 5 lựa chọn, quy ước sử dụng điểm để đánh giá các mức độ, cụ thể là Tốt: 5 điểm, Khá: 4 điểm; Trung bình: 3 điểm; Yếu: 2 điểm; Kém: 1 điểm. Như vậy, giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,8.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Quản lý việc thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học

Bảng 1. Thực trạng quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả

TT	Quản lý kiểm tra, đánh giá	Mức độ đánh giá					ĐTB
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém	
1	Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDHN cho HSKT	57,24	1,97	28,29	9,87	2,63	4,01
2	Tổ chức lực lượng thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDHN cho HSKT	28,95	49,34	13,82	4,61	3,29	3,96
3	Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, thường xuyên GDHN cho HSKT	42,76	26,97	14,47	9,87	5,92	3,91
4	Tổ chức kiểm tra kế hoạch giáo dục cá nhân; kết quả học tập của HSKT; kiểm tra kế hoạch giảng dạy và hồ sơ sổ sách của GV	34,87	37,50	15,13	7,24	5,26	3,89
5	Khuyến khích các GV mạnh dạn đề xuất đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDHN cho HSKT	3,29	50,66	27,63	11,18	7,24	3,32
6	Tổ chức tổng hợp, rút kinh nghiệm cho các GV sau mỗi lần dự giờ, thăm lớp	7,89	38,16	24,34	20,39	9,21	3,15

Qua kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, nội dung được đánh giá tốt nhất là “*Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDHN cho HSKT*” với điểm trung bình là 4,01 điểm. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDHN là yếu tố then chốt để đảm bảo hiệu quả của quá trình GDHN cho HSKT, giúp đánh giá mức độ hòa nhập của HSKT, từ đó điều chỉnh chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ phù hợp. Do đó, các trường tiểu học quận Sơn Trà luôn chỉ đạo các GV lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động này cùng với việc lập kế hoạch GDHN cho HSKT vào đầu các năm học. Đây là cơ sở để các GV thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDHN cho HSKT cũng như cơ sở để tổ trưởng chuyên môn, hiệu trưởng nhà trường thực hiện việc giám sát, đánh giá. Các trường cũng thực hiện khá tốt việc tổ chức các lực lượng thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, thường xuyên theo đúng phân phối chương trình và đảm bảo

giống như lịch kiểm tra, đánh giá với các HS bình thường khác và tổ chức kiểm tra kế hoạch giáo dục cá nhân, kết quả học tập của HSKT và kế hoạch giảng dạy và hồ sơ sổ sách của GV. Nội dung bị đánh giá thấp nhất là “*Tổ chức tổng hợp, rút kinh nghiệm cho các GV sau mỗi lần dự giờ, thăm lớp*” với điểm trung bình chỉ là 3,15 điểm. Nguyên nhân là do hoạt động tổng hợp, rút kinh nghiệm thường diễn ra theo hình thức báo cáo một chiều. GV dự giờ, thăm lớp chỉ đơn thuần trình bày lại những gì đã quan sát được, ít có phân tích, đánh giá chuyên môn sâu sắc. Hơn nữa, GV dự giờ, thăm lớp thường chỉ tập trung vào những điểm chưa tốt, thiếu những góp ý cụ thể và thiết thực để GV được dự giờ, thăm lớp cải thiện. Do đó, hiệu quả kiểm tra, đánh giá chưa thực sự cao như mong đợi. Các trường cũng chỉ yêu cầu các GV thực hiện kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của ngành giáo dục nên ít có những khuyến khích các GV đề xuất đổi mới công tác này.

4.2. Quản lý sự phối hợp giữa các lực lượng đối với hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học

Bảng 2. Thực trạng quản lý sự phối hợp giữa các lực lượng

TT	Quản lý sự phối hợp	Mức độ đánh giá					ĐTB
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém	
1	Xây dựng cơ chế phối hợp với gia đình – nhà trường – xã hội,...	19,74	20,39	35,53	15,13	9,21	3,26
2	Xác định các bộ phận và cá nhân của trường tham gia vào GDHN cho HSKT cho đúng người, đúng việc, quy định rõ chức năng, quyền hạn cho từng người, từng bộ phận	29,61	53,95	9,87	5,26	1,32	4,05
3	Thông báo kế hoạch, chương trình học GDHN cho TKT tại trường tiểu học của ngành đến từng cá nhân tham gia trực tiếp vào hoạt động này	26,32	56,58	7,89	5,26	3,95	3,96
4	Phân công các nguồn lực tham gia vào hoạt động GDHN cho HSKT	33,55	39,47	11,84	9,87	5,26	3,86

Qua bảng 2 cho thấy, đa số các nội dung đều được đánh giá ở mức khá, chỉ có một nội dung được đánh giá ở mức kém. Điểm trung bình của các nội dung dao động từ 3,26 đến 4,05 điểm. Nội dung được đánh giá tốt nhất là “Xác định các bộ phận và cá nhân của trường tham gia vào GDHN cho HSKT cho đúng người, đúng việc, quy định rõ chức năng, quyền hạn cho từng người, từng bộ phận” với điểm trung bình là 4,05 điểm. GDHN là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp của nhiều bộ phận và cá nhân trong nhà trường do đó, việc xác định rõ ràng các bộ phận và cá nhân tham gia, quy định cụ thể chức năng, quyền hạn sẽ giúp cho hoạt động GDHN được thực hiện một cách hiệu quả, có hệ thống. Hơn nữa, khi mỗi bộ phận, cá nhân đều nắm rõ vai trò, trách nhiệm của mình, việc phối hợp sẽ được thực hiện một cách chặt chẽ, tránh chồng chéo, lãng phí; nhờ đó, hoạt động GDHN sẽ đạt được hiệu quả cao hơn. Các trường cũng thông báo kịp thời chương trình, kế hoạch học GDHN cho HSKT đến từng cá nhân có liên quan để đảm bảo sự phối hợp, hỗ trợ giữa các bộ phận này và phân công rõ ràng các nguồn lực tham gia vào hoạt động GDHN. Nội dung được đánh giá thấp nhất là “Xây dựng cơ chế phối hợp

với gia đình – nhà trường – xã hội, ...” với điểm trung bình là 3,26 điểm. Nguyên nhân là do hiện tại, các trường chủ yếu thực hiện phối hợp các lực lượng liên quan theo quy định và yêu cầu cần thiết sự hỗ trợ mà chưa có cơ chế cụ thể nào. Trên thực tế, ngành giáo dục cũng chưa có cơ chế phối hợp cho các lực lượng liên quan trong quản lý hoạt động GDHN cho HSKT, chủ yếu nhấn mạnh vai trò và sự tham gia của gia đình và nhà trường. Trong khi đó, việc phối hợp giữa ba môi trường giáo dục này đòi hỏi sự đồng lòng, thống nhất và nỗ lực của tất cả các bên liên quan nhưng do chưa có cơ chế cụ thể nên việc phối hợp còn nhiều bất cập, thiếu sự thống nhất và hiệu quả.

IV. Kết luận và giải pháp

Hòa nhập không có nghĩa là “xếp chỗ” cho HSKT trong trường lớp phổ thông và không phải tất cả mọi HS đều đạt trình độ hoàn toàn như nhau trong mục tiêu giáo dục. GDHN đòi hỏi sự hỗ trợ cần thiết để mọi HS phát triển hết khả năng của mình. Sự hỗ trợ cần thiết đó được thể hiện trong việc điều chỉnh chương trình, các đồ dùng dạy học, dụng cụ hỗ trợ đặc biệt, các kỹ năng giảng dạy đặc thù...

Quản lý hoạt động GDHN cho HSKT tại trường tiểu học là một bộ phận của quản lý nhà trường nói chung. Vì vậy, quản lý GDHN cũng có chức năng, nhiệm vụ như quản lý giáo dục, nhưng tập trung chủ yếu vào hoạt động giáo dục cụ thể là giáo dục trẻ KT. Quản lý GDHN chính là sự tác động có kế hoạch, có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý, đến đối tượng quản lý dựa theo những yêu cầu có tính chất khách quan về lí luận và thực tiễn GDHN nhằm đảm bảo cho việc thực hiện GDHN tại trường đạt hiệu quả. Để trẻ KT học hòa nhập thành công cần có 3 yếu tố: Sự quan tâm của phụ huynh, trách nhiệm của giáo viên và nỗ lực của chính các em.

Qua nghiên cứu cho thấy, hiệu trưởng chưa có kinh nghiệm nhiều về quản lý GDHN đối với HSKT; Số lượng GV dạy HSKT chưa qua đào tạo về phương pháp GDHN đối với HSKT vẫn còn nhiều, một số GV được đào tạo nhưng chưa chuyên sâu, chưa được trang bị đầy đủ các kiến thức về các kỹ năng dạy HSKT trong lớp học hòa nhập cũng như kinh nghiệm thực hành khi xử lý các vấn đề liên quan đến HSKT; HS học hòa nhập có nhiều dạng tật khác nhau, đòi hỏi phải có nhiều giáo án giảng dạy khác nhau. Trong khi đó, GV phổ thông không được trang bị đủ kiến thức cũng như đồ dùng dạy học. Thực tế mà nói, các số liệu về HSKT vẫn còn chênh lệch vì chưa đưa ra các tiêu chí cụ thể khái niệm thế nào là HSKT. Chính vì thế, khi các cơ quan tiến hành thống kê thì mỗi đơn vị có những quan điểm riêng về người KT nên có sự khác nhau về số lượng; Kế hoạch cá nhân và quản lý kế hoạch cá nhân cho HS là một trong những yếu tố quyết định cho sự thành công của công tác GDHN đối với HSKT nhưng lại chưa được quan tâm đúng mức. Tại trường phổ thông, các thầy cô không thể có chuyên môn chuyên sâu

về bất cứ loại tật nào. Sự giúp đỡ của thầy cô với HS rất giới hạn. Các em không theo kịp trình độ các bạn trên lớp, về lâu dài sẽ dẫn đến chán nản. Độ tuổi tâm sinh lý các em ngày càng phát triển, trong khi đó, tuổi trí tuệ lại không theo kịp, dẫn đến việc qua mỗi năm, chương trình học của các em lại phải giảm tải xuống cho phù hợp; Ngoài ra, thiếu sự phối hợp mạnh mẽ giữa gia đình – nhà trường - xã hội nhằm mang lại kết quả tốt nhất cho GDHN đối với HSKT.

Từ thực trạng trên, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động GDHN cho HSKT ở các trường tiểu học trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

1) Tổ chức tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và các tổ chức xã hội về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hòa nhập HSKT. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong ngành giáo dục cần tuyên truyền giúp họ nắm được những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc và GDHN đối với HSKT, những định hướng của ngành giáo dục về tổ chức giáo dục hoà nhập, những thành quả do GDHN cho HSKT đem lại; những kiến thức, hiểu biết về HSKT, kỹ năng làm việc với HSKT, về cách tạo môi trường thuận lợi cho các em sinh hoạt và học tập; về cách thức tổ chức và thực hiện GDHN cho HSKT tại trường học, tại gia đình...; Công tác tuyên truyền phải được thực hiện liên tục, thường xuyên, tập trung vào những thời điểm quan trọng như: chuẩn bị vào khai giảng năm học, kết thúc năm học...; Hình thức, phương pháp tuyên truyền giáo dục cần được thực hiện linh hoạt và phong phú;

2) Tăng cường quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Xây dựng kế hoạch GDHN phù

hợp với từng học sinh: xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với từng HSKT, lựa chọn các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu của HS; cung cấp các hỗ trợ cần thiết cho HS trong quá trình học tập và sinh hoạt; Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng cho CBQL, GV: Nâng cao kiến thức, kỹ năng về GDHN cho CBQL, GV; Hướng dẫn GV xây dựng và thực hiện kế hoạch GDHN hiệu quả; Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng: Phối hợp với gia đình trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch GDHN cho HSKT; Tận dụng sự hỗ trợ của cộng đồng trong việc giáo dục HSKT; Theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch GDHN: Thường xuyên theo dõi, đánh giá tiến bộ của HS; Điều chỉnh kế hoạch GDHN phù hợp với sự phát triển của HS;

3) *Xây dựng nội dung phù hợp, phong phú linh hoạt.* Hiệu trưởng nhà trường có năng lực hướng dẫn, chỉ đạo các GV xây dựng nội dung phù hợp phong phú linh hoạt và tích hợp nâng cao năng lực GDHN cho HSKT của các GV; GV cần có kiến thức chuyên môn về GDHN, hiểu rõ đặc điểm tâm lý, nhận thức và hành vi của HSKT. GV cần có kỹ năng thiết kế và giảng dạy các nội dung phù hợp với nhu cầu và khả năng của HSKT và thái độ tích cực, kiên nhẫn và yêu thương HSKT; Cơ sở vật chất cần đảm bảo an toàn, phù hợp với nhu cầu của HSKT;

4) *Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên trong trường về hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.* Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng cho CBQL, GV một cách cụ thể, chi tiết trong từng năm học; Nội dung tập huấn tập trung vào những vấn đề sau: những vấn đề chung về HSKT, về mô hình GDHN trong trường tiểu học; nguyên tắc cơ bản của dạy học hòa nhập;

điều chỉnh chương trình, nội dung, phương pháp, đánh giá trong dạy hòa nhập; chuẩn bị phương tiện đồ dùng, thiết kế và tiến hành bài dạy hòa nhập; các phương pháp và kỹ năng đặc thù dạy HSKT; cách thức chỉ đạo, quản lý hoạt động GDHN...;

5) *Xây dựng chính sách khen thưởng và kịp thời động viên giáo viên dạy học ở những lớp có HSKT* để giúp họ phần nào giảm bớt áp lực. Ở những lớp có HSKT, giáo viên sẽ vất vả hơn rất nhiều, nhất là HS bị tăng động hoặc những lớp đầu cấp. Bởi lẽ ở lứa tuổi Tiểu học, nhiều em chưa tự biết phục vụ. Nhà trường cần cố gắng tạo điều kiện, động viên giáo viên bằng nhiều hình thức khác nhau, cả về vật chất lẫn tinh thần, cũng như khi xét đánh giá thi đua cuối mỗi năm học;

6) *Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hòa nhập cho HSKT.* Xây dựng hệ thống đánh giá phù hợp với đặc điểm của HSKT: Sử dụng nhiều phương pháp đánh giá đa dạng như: quan sát, phỏng vấn, thực hành...; Xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với từng loại KT. Với mỗi HSKT, các trường sẽ xây dựng các tiêu chí đánh giá riêng biệt; Nâng cao năng lực cho CBQL, GV và nhân viên nhà trường bằng cách tổ chức các buổi tập huấn về các phương pháp đánh giá mới và hướng dẫn GV cách sử dụng các công cụ đánh giá phù hợp; Thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá như định kỳ, đột xuất với GV dạy hòa nhập và các GV khác được phân công giảng dạy HSKT tại lớp học hòa nhập. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn đánh giá, nhận xét kết quả GDHN cho HSKT của GV được giao nhiệm vụ GDHN trong tổ; Chỉ đạo đánh giá kết quả GDHN cho HSKT tại các trường qua việc thực hiện đồng bộ các kênh đánh giá khác nhau;

7) Tăng cường phối hợp chặt chẽ các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể và sự phối hợp giữa các chủ thể có liên quan đến hoạt động GDHN cho HSKT; Xây dựng cơ chế phối hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội trong GDHN cho HS tiểu học; Huy động sự phối hợp, hỗ trợ, ủng hộ của phụ huynh HS, các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cùng tham gia hoạt động GDHN cho HSKT tại nhà trường, gia đình và xã hội; Hỗ trợ Ban phụ huynh thành lập Hội phụ huynh HSKT để tạo cầu nối giữa nhà trường và gia đình trong GDHN cho HSKT; Tổ chức các buổi tập huấn để cha mẹ HSKT biết cách chăm sóc, giáo dục HSKT.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Quy định về giáo dục hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật*. Quyết định số 23/BGD&ĐT/2006. Hà Nội: 2006.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Hướng dẫn số 37/2022/HD-BGDĐT ngày 29/12/2022 Về tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật, học sinh gặp khó khăn trong học tập tại trường tiểu học*. Hà Nội: 2022.
- [3]. Nguyễn Đức Hữu. Cơ sở lý luận của quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*: Số đặc biệt, Kỳ 2 - tháng 6/2016.
- [4]. Nguyễn Xuân Hải. *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hà Nội: 2009.
- [5]. <https://baodanang.vn/channel/5433/201906/gian-nan-hoa-nhap-3226812>.

SOLUTIONS TO IMPROVE MANAGEMENT OF INCLUSIVE EDUCATION FOR STUDENTS WITH DISABILITIES IN PRIMARY SCHOOLS IN SON TRA DISTRICT, DA NANG CITY

Tran Thi Thu Hien[‡], Pham Thi Kim Hang[§]

Abstract: *The study conducted an investigation to assess the current state of managing inclusive education programs for students with disabilities in primary schools located in Son Tra district, Da Nang city. The research results reveal that, although managing inclusive education programs for students with disabilities has achieved several positive outcomes, this activity still faces some limitations in terms of content management, program management, planning, implementation, inspection, and evaluation. Based on the above situation, the article proposes some solutions to enhance the quality of management of inclusive education programs for students with disabilities in primary schools located in Son Tra district, Da Nang city.*

Keywords: *Inclusive education, management solutions, student with disabilities, primary school, Son Tra, Da Nang.*

[‡] Institute of Social Sciences of the Central Region.

[§] Quang Trung primary school, Son Tra, Da Nang (corresponding author)